

Số: 98/2024/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4575/TTr-STC ngày 06 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa.

b) Cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa

1. Mức nộp tiền: Bằng 50% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp nhân với giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Các khoản tiền phải nộp để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa và khoản tiền chậm nộp (nếu có) thực hiện nộp vào ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành.

3. Trình tự, thủ tục nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (kể cả tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp) thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Trách nhiệm của Người sử dụng đất; các Sở, ban ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

1. Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất

a) Kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa đến cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh (đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên) đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo quy định tại Nghị định 112/2024/NĐ-CP.

b) Nộp số tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo thông báo của Cơ quan tài chính các cấp theo đúng thời hạn quy định. Trường hợp quá 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan tài chính mà chưa nộp và chưa nộp đủ thì Người nộp tiền tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Trong trường hợp bất khả kháng như bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ. Người nộp tiền được miễn tiền chậm nộp khi có đơn đề nghị miễn gửi Cơ quan tài chính các cấp trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt theo quy định.

c) Sau khi hoàn thành việc nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi 01 liên Chứng từ nộp về Cơ quan tài chính các cấp để theo dõi, quản lý.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thẩm định Bản kê khai của Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp và ban hành văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp theo quy định (đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên).

3. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn triển khai nội dung các Khoản tiền phải nộp (kể cả khoản tiền chậm nộp) vào ngân sách theo quy định;

b) Xác định và thông báo số tiền nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên).

c) Theo dõi, tham mưu phân bổ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

d) Theo dõi, đôn đốc Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thuộc phạm vi quản lý thực hiện thông báo nộp tiền theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng.

b) Phối hợp với Sở Tài chính phân bổ kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế:

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận và chuyển hồ sơ thông tin địa chính diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần phải nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính Kế hoạch

- Xác định và thông báo số tiền nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thuộc phạm vi quản lý thực hiện thông báo nộp tiền theo quy định.

- Hàng năm, tổng hợp tình hình chuyển đổi đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (diện tích và số tiền đã nộp) định kỳ 6 tháng (tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo) trước ngày 10/6 hàng năm và Báo cáo năm (tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo) trước ngày 10/01 năm kế tiếp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính để theo dõi, quản lý.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HDND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TC, ND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương